PHÒNG GD& ĐT TÂN HIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TRƯỜNG THCS THẠNH ĐÔNG A**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**



Số: 11/2019/KHCM *Thạnh Đông A, ngày 14 tháng 9 năm 2019*

**KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN**

**NĂM HỌC 2019 – 2020**

Căn cứ QĐ số 1436/QĐ-DBND, ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh Kiên Giang về Ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2019-2020 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.

Căn cứ vào kế hoạch hoạt động chuyên môn THCS số Số: 243/KH-PGDĐT của PGD ĐT ngày 09 /9/2019.

Căn cứ vào kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2019-2020 của Trường THCS Thạnh Đông A.

Căn cứ vào tình hình thực tế của nhà trường, Bộ phận chuyên môn trường THCS thạnh Đông A xây dựng kế hoạch hoạt động chuyên môn năm học 2019-2020 như sau:

**I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH**

**1. Bối cảnh năm học:**

Tổng số CBGV-CNV nhà trường là 28 người. Trong đó : BGH : 02 người, nhân viên, công tác khác: 06. GV trực tiết đứng lớp : 20 người. Được chia 03 tổ. Tổ Toán lý : 08 người, tổ Xã hội : 06 người, tổ Ngoại ngữ, thể dục, âm nhạc, MT : 06 người.

Tổng số học sinh đầu năm : 314 em. Được chia làm 09 lớp / 04 khối . Khối 6 : 97/ 03 lớp, khối 7: 80/ 02 lớp, khối 8 : 71/ 02 lớp, khối 9 : 65/ 02 lớp.

Bước vào năm học 2019-2020 bộ phận chuyên môn đã và đang gặp những thuận lợi và khó khăn sau :

**2. Thuận lợi:**

- Được sự quan tâm sâu sát của các cấp chính quyền, của ngành, của Ban Giám Hiệu nhà trường. Đã luôn tạo điều kiện cho công tác chuyên môn thực hiện đúng chức năng và nhiệm vụ được giao.

- Đội ngũ GV tay nghề ngày một nâng cao. 100 % đạt chuẩn và trên chuẩn, là động lực chính trong việc nâng cao chất lượng dạy và học.

- Số Học sinh trong mỗi lớp không quá đông, việc quản lý và giảng dạy thuận lợi hơn.

- Ý thức người dân ngày một nâng lên, đã góp phần quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả giáo dục tại địa phương.

**3. Khó khăn*:***

- Trang thiết bị bị hao mòn dần, dẫn đến việc giảng dạy cho các em phần nào khó khăn hơn, mất thời gian sửa chữa nhiều hơn.

- Đời sống phụ huynh học sinh còn nhiều gia đình thuộc diện nghèo, khó khăn. Từ đó việc lo sách vở, mua tài liệu để các em nghiên cứu và học tập còn rất hạn chế.

Trước những thuận lợi và khó khăn trên. Trường THCS Thạnh Đông A đã đề ra nhiệm vụ trọng tâm và cụ thể như sau :

**II/ NHIỆM VỤ :**

**Nhiệm vụ trọng tâm:**

Tăng cường quán triệt và thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước; tiếp tục rà soát, quy hoạch mạng lưới trường, lớp giáo dục trung học theo hướng hợp lý và hiệu quả; tăng cường nền nếp, kỷ cương và chất lượng, hiệu quả giáo dục trong các cơ sở giáo dục trung học; chú trọng giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, ý thức, trách nhiệm của công dân đối với xã hội, cộng đồng của học sinh; nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ quản lí và giáo viên nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và đáp ứng yêu cầu thực hiện CT GDPT mới theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; tiếp tục điều chỉnh nội dung dạy học trong CT GDPT hiện hành theo hướng tinh giản, tiếp cận định hướng CT GDPT mới; thực hiện thường xuyên, hiệu quả các phương pháp, hình thức và kĩ thuật dạy học tích cực; đổi mới phương thức đánh giá học sinh; tích cực đổi mới nội dung, phương thức giáo dục hướng nghiệp gắn với thực tiễn sản xuất, kinh doanh tại địa phương; tăng cường phân cấp quản lí, thực hiện quyền tự chủ của nhà trường trong việc thực hiện kế hoạch giáo dục; tiếp tục triển khai thực hiện các Đề án của ngành đã được UBND tỉnh phê duyệt.

**III. CÁC NHIỆM VỤ, CHỈ TIÊU VÀ BIỆN PHÁP THỰC HIỆN:**

**1.  Nhiệm vụ 1 : Tiếp tục quán triệt sâu sắc các chủ trương, đường lối, chính sách pháp luật của Đảng, của nhà nước và của ngành đề ra.**

**Chỉ tiêu:**

a) Thực hiện có hiệu quả cuộc vận động: *“Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”* ; *“Mỗi thầy giáo, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo”*, đồng thời tiếp tục triển khai phong trào thi đua *“Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”*

*b) 100% CBGV chấp hành tốt mọi chủ trương, đường lối, chính sách pháp luật của Đảng, của Nhà nước và của ngành.*

*c) 100 % học sinh hạnh kiểm từ khá trở lên.*

**Biện pháp:**

a) Mỗi GV phải đăng ký ít nhất 01 nội dung thực hiện làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh trong năm học. Nghiêm chỉnh chấp hành tốt các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

b) Trong giảng dạy cần chú trọng yêu cầu giáo dục toàn diện. GV phải phát huy thế mạnh của môn Ngữ văn, GDCD trong việc giáo dục đạo đức, nhân cách cho HS, định hướng cho HS trong thị hiếu thẩm mĩ, ứng xử có văn hóa trong các mối quan hệ trong cũng như ngoài nhà trường.

**2.  Nhiệm vụ 2 : Thực hiện chương trình giáo dục, kế hoạch giáo dục.**

**Chỉ tiêu:**

a) 100 % CBGV thực hiện đúng phương hướng, nhiệm vụ năm học, phân phối chương trình, chuẩn kiến thực kỹ năng theo môn học.

b) 100 % CBGV thực hiện đầy đủ quy chế chuyên môn ( hồ sơ , giáo án), bảo đảm dạy đúng, đủ chương trình mà Bộ, Sở GD-ĐT đã ban hành ; thực hiện nghiêm túc những chỉ đạo của Phòng giáo dục và đào tạo.

c) Thực hiện tốt *tinh giản nội dung dạy học*; xây dựng và triển khai *dạy học các chủ đề tích hợp*; tăng cường các hoạt động nhằm giúp học sinh *vận dụng kiến thức liên môn* vào giải quyết các vấn đề thực tiễn. Tổ chức *Cuộc thi khoa học kỹ thuật* học sinh trung học phổ thông năm học 2018-2019.

**Biện pháp:**

a) Phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý về năng lực chuyên môn, kỹ năng phát triển chương trình giáo dục; năng lực đổi mới phương pháp dạy học, kiểm đánh giá; phát huy năng lực đội ngũ giáo viên cốt cán, tổ trưởng chuyên môn và nâng cao vai trò của giáo viên chủ nhiệm lớp trong việc quản lý, phối hợp giáo dục toàn diện cho học sinh.Tiếp tục đổi mới phương pháp dạy học và coi đây là một nhiệm vụ trọng tâm. Việc đổi mới phương pháp giảng dạy phải được thể hiện bằng những việc làm cụ thể.

b) Nâng cao hiệu lực và hiệu quả công tác quản lý theo hướng tăng cường phân cấp quản lý, tăng quyền chủ động của nhà trường trong việc thực hiện kế hoạch giáo dục đi đôi với việc nâng cao năng lực quản trị nhà trường.

c) Trang bị những kiến thức và kỹ năng chuyên môn cần thiết để đáp ứng yêu cầu đổi phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và khả năng tự học của học sinh. Quan tâm đến việc bồi dưỡng và tự bồi dưỡng trong việc thực hiện chương trình, chuẩn kiến thức, kĩ năng.

**3. Nhiệm vụ 3: Đổi mới kiểm tra đánh giá, đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao hiệu lực và hiệu quả công tác quản lý, tổ chức tốt các cuộc thi học sinh giỏi:**

**Chỉ tiêu:**

**a/ *Chất lượng học sinh:***

- Hoàn thành chương trình tiểu học vào học lớp 6 đạt 99 % trở lên.

- Huy động học sinh đến trường đạt 98,5% trở lên.

- Tỉ lệ lên lớp thẳng đạt 96.0 % trở lên.

- Tỉ lệ xét tuyển hết cấp THCS : 100 %.

- Phấn đấu đến cuối năm học có 30 % trở lên học sinh giỏi cấp huyện và 40 % trở lên học sinh giỏi cấp tỉnh so với đội tuyển dự thi.

- Giảm tỉ lệ học sinh bỏ học không vượt quá 1 %.

- Kết quả PCGD THCS đạt từ 93 % trở lên.

- Kết quả giảng dạy:  
+ Chất lượng bộ môn:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Môn** | **Khối** | **Tổng số HS (\*)** | **8.0-10** | | **6.5-7.9** | | **5.0-6.4** | | **3.5-4.9** | | | | **0-3.4** | | | **TB trở lên** | | **Đ** | | **CĐ** | |
| **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | | **%** | | **SL** | | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** |
| **Toán** | Khối 6 | **97** | 20 | 20.62 | 28 | 28.87 | 42 | 43.3 | 6 | | 6.19 | | 1 | | 1.03 | 75 | 77.32 |  |  |  |  |
| Khối 7 | **80** | 13 | 17.28 | 24 | 29.63 | 27 | 33.33 | 16 | | 19.75 | | 0 | | 0 | 60 | 74.07 |  |  |  |  |
| Khối 8 | **71** | 11 | 15.07 | 24 | 34.25 | 36 | 49.32 | 1 | | 1.37 | | 0 | | 0 | 69 | 94.52 |  |  |  |  |
| Khối 9 | **65** | 14 | 22.39 | 13 | 20.9 | 33 | 49.25 | 5 | | 7.46 | | 0 | | 0 | 64 | 95.52 |  |  |  |  |
| **TS** | **314** | **60** | 18.87 | **91** | 28.62 | **138** | 43.4 | **28** | | 8.81 | | **1** | | 0.31 | **268** | 84.28 |  |  |  |  |
| **Vật lí** | Khối 6 | **97** | 16 | 16.49 | 39 | 40.21 | 34 | 35.05 | 7 | | 7.22 | | 1 | | 1.03 | 74 | 76.29 |  |  |  |  |
| Khối 7 | **80** | 27 | 34.57 | 32 | 39.51 | 19 | 23.46 | 1 | | 1.23 | | 1 | | 1.23 | 73 | 90.12 |  |  |  |  |
| Khối 8 | **71** | 13 | 16.44 | 32 | 43.84 | 19 | 23.29 | 8 | | 12.33 | | 0 | | 0 | 61 | 83.56 |  |  |  |  |
| Khối 9 | **65** | 20 | 31.34 | 31 | 47.76 | 14 | 20.9 | 0 | | 0 | | 0 | | 0 | 69 | 102.99 |  |  |  |  |
| **TS** | **314** | **77** | 24.21 | **135** | 42.45 | **84** | 26.42 | **17** | | 5.35 | | **2** | | 0.63 | **277** | 87.11 |  |  |  |  |
| **Hóa học** | Khối 8 | **71** | 15 | 19.18 | 24 | 32.88 | 32 | 43.84 | 0 | | 0 | | 0 | | 0 | 70 | 95.89 |  |  |  |  |
| Khối 9 | **65** | 23 | 37.31 | 23 | 37.31 | 19 | 28.36 | 0 | | 0 | | 0 | | 0 | 69 | 102.99 |  |  |  |  |
| **TS** | **136** | **39** | 27.86 | **49** | 35 | **51** | 36.43 | **0** | | 0 | | **0** | | 0 | **139** | 99.29 |  |  |  |  |
| **Sinh học** | Khối 6 | **97** | 31 | 31.96 | 43 | 44.33 | 19 | 19.59 | 4 | | 4.12 | | 0 | | 0 | 78 | 80.41 |  |  |  |  |
| Khối 7 | **80** | 41 | 50.62 | 30 | 37.04 | 10 | 12.35 | 0 | | 0 | | 0 | | 0 | 75 | 92.59 |  |  |  |  |
| Khối 8 | **71** | 19 | 26.03 | 25 | 34.25 | 28 | 38.36 | 1 | | 1.37 | | 0 | | 0 | 69 | 94.52 |  |  |  |  |
| Khối 9 | **65** | 28 | 41.79 | 15 | 22.39 | 24 | 35.82 | 0 | | 0 | | 0 | | 0 | 69 | 102.99 |  |  |  |  |
| **TS** | **314** | **119** | 37.42 | **113** | 35.53 | **81** | 25.47 | **5** | | 1.57 | | **0** | | 0 | **291** | 91.51 |  |  |  |  |
| **Ngữ Văn** | Khối 6 | **97** | 9 | 9.28 | 49 | 50.52 | 36 | 37.11 | 2 | | 2.06 | | 1 | | 1.03 | 78 | 80.41 |  |  |  |  |
| Khối 7 | **80** | 3 | 3.7 | 33 | 40.74 | 38 | 46.91 | 6 | | 7.41 | | 1 | | 1.23 | 68 | 83.95 |  |  |  |  |
| Khối 8 | **71** | 8 | 10.96 | 36 | 49.32 | 29 | 39.73 | 0 | | 0 | | 0 | | 0 | 70 | 95.89 |  |  |  |  |
| Khối 9 | **65** | 11 | 16.42 | 33 | 49.25 | 23 | 34.33 | 0 | | 0 | | 0 | | 0 | 69 | 102.99 |  |  |  |  |
| **TS** | **314** | **31** | 9.75 | **151** | 47.48 | **126** | 39.62 | **8** | | 2.52 | | **2** | | 0.63 | **285** | 89.62 |  |  |  |  |
| **Lịch sử** | Khối 6 | **97** | 21 | 21.65 | 40 | 41.24 | 26 | 26.8 | 7 | | 7.22 | | 3 | | 3.09 | 72 | 74.23 |  |  |  |  |
| Khối 7 | **80** | 45 | 55.56 | 27 | 33.33 | 8 | 9.88 | 1 | | 1.23 | | 0 | | 0 | 74 | 91.36 |  |  |  |  |
| Khối 8 | **71** | 48 | 65.75 | 22 | 30.14 | 3 | 4.11 | 0 | | 0 | | 0 | | 0 | 70 | 95.89 |  |  |  |  |
| Khối 9 | **65** | 30 | 44.78 | 31 | 46.27 | 6 | 8.96 | 0 | | 0 | | 0 | | 0 | 69 | 102.99 |  |  |  |  |
| **TS** | **314** | **144** | 45.28 | **120** | 37.74 | **43** | 13.52 | **8** | | 2.52 | | **3** | | 0.94 | **285** | 89.62 |  |  |  |  |
| **Địa lí** | Khối 6 | **97** | 52 | 53.61 | 37 | 38.14 | 7 | 7.22 | 1 | | 1.03 | | 0 | | 0 | 80 | 82.47 |  |  |  |  |
| Khối 7 | **80** | 39 | 48.15 | 28 | 34.57 | 14 | 17.28 | 0 | | 0 | | 0 | | 0 | 75 | 92.59 |  |  |  |  |
| Khối 8 | **71** | 43 | 58.9 | 29 | 39.73 | 1 | 1.37 | 0 | | 0 | | 0 | | 0 | 70 | 95.89 |  |  |  |  |
| Khối 9 | **65** | 21 | 31.34 | 35 | 52.24 | 11 | 16.42 | 0 | | 0 | | 0 | | 0 | 69 | 102.99 |  |  |  |  |
| **TS** | **314** | **155** | 48.74 | **129** | 40.57 | **33** | 10.38 | **1** | | 0.31 | | **0** | | 0 | **294** | 92.45 |  |  |  |  |
| **Tiếng Anh** | Khối 6 | **97** | 30 | 30.93 | 33 | 34.02 | 25 | 25.77 | 8 | | 8.25 | | 1 | | 1.03 | 73 | 75.26 |  |  |  |  |
| Khối 7 | **80** | 20 | 24.69 | 26 | 32.1 | 29 | 35.8 | 4 | | 4.94 | | 2 | | 2.47 | 69 | 85.19 |  |  |  |  |
| Khối 8 | **71** | 14 | 19.18 | 33 | 45.21 | 25 | 34.25 | 1 | | 1.37 | | 0 | | 0 | 69 | 94.52 |  |  |  |  |
| Khối 9 | **65** | 15 | 22.39 | 30 | 44.78 | 22 | 32.84 | 0 | | 0 | | 0 | | 0 | 69 | 102.99 |  |  |  |  |
| **TS** | **314** | **79** | 24.84 | **122** | 38.36 | **101** | 31.76 | **13** | | 4.09 | | **3** | | 0.94 | **280** | 88.05 |  |  |  |  |
| **GDCD** | Khối 6 | **97** | 47 | 48.45 | 36 | 37.11 | 13 | 13.4 | 1 | | 1.03 | | 0 | | 0 | 80 | 82.47 |  |  |  |  |
| Khối 7 | **80** | 65 | 80.25 | 14 | 17.28 | 2 | 2.47 | 0 | | 0 | | 0 | | 0 | 75 | 92.59 |  |  |  |  |
| Khối 8 | **71** | 70 | 95.89 | 3 | 4.11 | 0 | 0 | 0 | | 0 | | 0 | | 0 | 70 | 95.89 |  |  |  |  |
| Khối 9 | **65** | 63 | 94.03 | 4 | 5.97 | 0 | 0 | 0 | | 0 | | 0 | | 0 | 69 | 102.99 |  |  |  |  |
| **TS** | **314** | **245** | 77.04 | **57** | 17.92 | **15** | 4.72 | **1** | | 0.31 | | **0** | | 0 | **294** | 92.45 |  |  |  |  |
| **Công nghệ** | Khối 6 | **97** | 47 | 48.45 | 42 | 43.3 | 7 | 7.22 | 1 | | 1.03 | | 0 | | 0 | 80 | 82.47 |  |  |  |  |
| Khối 7 | **80** | 43 | 53.09 | 23 | 28.4 | 14 | 17.28 | 0 | | 0 | | 1 | | 1.23 | 74 | 91.36 |  |  |  |  |
| Khối 8 | **71** | 30 | 41.1 | 42 | 57.53 | 1 | 1.37 | 0 | | 0 | | 0 | | 0 | 70 | 95.89 |  |  |  |  |
| Khối 9 | **65** | 67 | 100 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | | 0 | | 0 | | 0 | 69 | 102.99 |  |  |  |  |
| **TS** | **314** | **187** | 58.81 | **107** | 33.65 | **22** | 6.92 | **1** | | 0.31 | | **1** | | 0.31 | **293** | 92.14 |  |  |  |  |
| **Thể dục** | Khối 6 | **97** |  |  |  |  |  |  |  | |  | |  | |  |  |  | 97 | 100 | 0 | 0 |
| Khối 7 | **80** |  |  |  |  |  |  |  | |  | |  | |  |  |  | 81 | 100 | 0 | 0 |
| Khối 8 | **71** |  |  |  |  |  |  |  | |  | |  | |  |  |  | 73 | 100 | 0 | 0 |
| Khối 9 | **65** |  |  |  |  |  |  |  | |  | |  | |  |  |  | 67 | 100 | 0 | 0 |
| **TS** | **314** |  |  |  |  |  |  |  | |  | |  | |  |  |  | **318** | **100** | **0** | **0** |
| **Âm nhạc** | Khối 6 | **97** |  |  |  |  |  |  |  | |  | |  | |  |  |  | 97 | 100 | 0 | 0 |
| Khối 7 | **80** |  |  |  |  |  |  |  | |  | |  | |  |  |  | 81 | 100 | 0 | 0 |
| Khối 8 | **71** |  |  |  |  |  |  |  | |  | |  | |  |  |  | 73 | 100 | 0 | 0 |
| Khối 9 | **65** |  |  |  |  |  |  |  | |  | |  | |  |  |  | 67 | 100 | 0 | 0 |
| **TS** | **314** |  |  |  |  |  |  |  | |  | |  | |  |  |  | **318** | **100** | **0** | **0** |
| **Mỹ Thuật** | Khối 6 | **97** |  |  |  |  |  |  | |  | |  | |  |  |  |  | 97 | 100 | 0 | 0 |
| Khối 7 | **80** |  |  |  |  |  |  |  | |  | |  | |  |  |  | 81 | 100 | 0 | 0 |
| Khối 8 | **71** |  |  |  |  |  |  |  | |  | |  | |  |  |  | 73 | 100 | 0 | 0 |
| Khối 9 | **65** |  |  |  |  |  |  |  | |  | |  | |  |  |  | 67 | 100 | 0 | 0 |
| **TS** | **314** |  |  |  |  |  |  |  | |  | |  | |  |  |  | **318** | **100** | **0** | **0** |

***b/ Chất lượng đội ngũ CBGV:***

1. Cá nhân : Phấn đấu đến cuối năm học :

- Phấn đấu đến cuối năm học giáo viên dạy giỏi vòng trường đạt từ 60 % trở lên so với tổng số giáo viên dự thi.

- Không có giáo viên xếp loại trung bình theo QĐ chuẩn nghề nghiệp giáo viên.

- Tập thể : Phấn đấu đến cuối năm học :

+ Có tổ lao động xuất sắc và lao động tiên tiến.

+ Không có tổ không hoàn thành nhiệm vụ.

+ Dự giờ thăm lớp, thao giảng, mở chuyên đề :

- Dự giờ: Bình quân mỗi GV đi dự giờ ít nhất 02 tiết / tháng. Tổng số tiết đi dự ít nhất **360** tiết/ năm. Chia ra: Tổ Tự nhiên: 144tiết/năm, tổ Xã hội: 108 tiết/năm, tổ N2+ TD: 108 tiết/năm.

- Dạy hội giảng, thao giảng, BHMH : 20 tiết,/năm. Tổ TN: 08 tiết/năm, tổ XH: 06 tiết/năm, tổ NN: 06 tiết/năm.

- Dạy Ứng dụng CNTT: 400 tiết/năm, tổ TN: 160 tiết/năm, tổ XH: 120 tiết/năm, tổ NN: 120 tiết/năm.

- Bài giảng điện tử :

+ Cấp trưởng: 01 bài/ 01 GV/ năm

- Dạy BHMH: 20 tiết/năm, tổ TN: 08 tiết/năm, tổ XH: 06 tiết/năm, tổ NN: 06 tiết/năm.

- Làm ĐDDH:

+ Cấp trường: 01 ĐD/1 GV/ năm

+ Dự thi cấp huyện: 06, tổ TN: 02 tiết/năm, tổ XH: 02 tiết/năm, tổ NN: 02

- Tổ chức chuyên đề: Ít nhất 10 chuyên đề/ năm. Chia ra: Tổ Toán lí: **04**/năm**,** tổ Xã hội: **04**/năm; tổ N2+ TD + … : **02**/năm. (Trong số chuyên đề của mỗi tổ có 01 chuyên đề toàn trường)

- Kiểm tra hoạt động SPGV: **07** GV/ 02 tổ/năm. Tổ TN : **03** (Thịnh, T.Mai, Hải, Dũng) ; Xã hội: **03** (Ngọc Huyền, Bích, Ngọc).

Chia ra:

+ Học kỳ I: **03** GV : Tổ TN : **02** (Thịnh, Hải) ; XH: **01** (N.Huyền).

+ Học kỳ II: **04** GV : Tổ TN : **02** (T.Mai, Dũng) ; XH: **02** (Bích, Ngọc)

**Biện pháp:**

***- Lập kế hoạch đổi mới PPDG và kiểm tra đánh giá:***

+ Triển khai các giải pháp nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục, đổi mới phương pháp dạy học thông qua công tác bồi dưỡng và dự giờ thăm lớp của giáo viên; tổ chức các đợt sinh hoạt chuyên môn, chuyên đề cấp tổ.

+ Tiếp tục phát động giáo viên tự làm đồ dùng dạy học. Quản lý chặt chẽ việc dạy thêm và học thêm theo đúng quy định.

+ Tăng cường kỷ cương, nề nếp trong quản lý dạy học, kiểm tra, đánh giá các đợt kiểm tra trong năm học.

+ Thực hiện kiểm tra cuối kì đồng loạt, nghiêm túc đánh giá đúng chất lượng dạy – học, *đổi mới toàn diện khâu kiểm tra đánh giá* (các đề kiểm tra ra đúng tinh thần đổi mới – bám sát chuẩn kiến thức, kỹ năng từng môn học)*.*

+ Thực hiện tốt các quy chế, nề nếp chuyên môn như soạn giáo án đầy đủ, dự giờ đảm bảo số tiết quy định, ghi chép đầy đủ, sau khi dự giờ phải tổ chức góp ý, rút kinh nghiệm nghiêm túc, đúng thực chất tránh chung chung, sơ sài.

+ Sinh hoạt tổ chuyên môn phải tập trung vào việc giải quyết những vấn đề chuyên môn, việc đổi mới PPDH, nâng cao nghiệp vụ sư phạm, tự học tự bồi dưỡng .

+ Tiếp tục đổi mới các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh kết hợp hình thức kiểm tra tự luận với trắc nghiệm đảm bảo việc đánh giá khách quan, công bằng, đúng trình độ.

+ Biết cách thiết kế và xây dựng kế hoạch dạy học, sử dụng thiết bị dạy học, làm thí nghiệm thực hành và tự làm đồ dùng dạy học.

***- Mỗi giáo viên đều có ít nhất một đổi mới KTĐG và đổi mới PPDH trên các mặt sau :***

+ Đổi mới phương pháp dạy học: Tăng tính chủ động, thái độ học tập tích cực của học sinh, khắc phục hoàn toàn kiểu dạy theo lối "đọc - chép". Dạy bám sát chuẩn kiến thức, kỹ năng của Chương trình giáo dục phổ thông. Thiết kế bài giảng khoa học, sắp xếp hợp lý hoạt động của giáo viên và học sinh; thiết kế câu hỏi hợp lý, tập trung vào trọng tâm, tránh nặng nề quá tải, bồi dưỡng năng lực độc lập suy nghĩ, vận dụng sáng tạo của học sinh. Dạy học sát đối tượng, coi trọng bồi dưỡng học sinh khá giỏi và bồi dưỡng học sinh tham dự kì thi học sinh giỏi các cấp.

+ Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học. Chú trọng thực hành, thí nghiệm, rèn khả năng tự học cho học sinh.

+ Thực hiện đổi mới PPDH theo hướng nghiên cứu bài học (BHMH).

+ Đổi mới kiểm tra, đánh giá: Coi trọng việc phân tích kết quả kiểm tra qua đó điều chỉnh hoạt động giảng dạy và học tập. Nâng cao chất lượng đề kiểm tra, bám sát chuẩn kiến thức, kỹ năng của Chương trình giáo dục phổ thông với ba cấp độ: Biết, thông hiểu, vận dụng sáng tạo, với các bài kiểm tra cuối kỳ, cuối năm dành tối thiểu 50% làm bài cho các nội dung thông hiểu, vận dụng sáng tạo từ đó bảo đảm dạy học sát đối tượng, khuyến khích tư duy độc lập, sáng tạo của học sinh và hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá năng lực của bản thân. Tích cực tham khảo các tài liệu về kiểm tra đánh giá các môn học KT, đánh giá.

+ Tích cực tham khảo các tài liệu về kiểm tra đánh giá các môn học, làm các đề thi học sinh giỏi tỉnh, huyện, các đề tuyển sinh từ đó có thêm các kiến thức về ra đề. Thực hiện đúng quy định của Thông tư 58/2011/BGD&ĐT của Bộ GD&ĐT về quy chế đánh giá, xếp loại HS.

***- Xây dựng ngân hàng đề kiểm tra và đánh giá cho điểm xếp loại học sinh:***

Tổ CM có kế hoạch cụ thể để nghiên cứu và khai thác phần mềm ngân hàng đề kiểm tra, Việc thực hiện quy chế đánh giá, xếp loại học sinh theo quy chế thông tư 58 của bộ GD&ĐT có những điểm khác và mới cho nên các giáo viên phải nghiên cứu kỹ và thực hiện cho đúng, tránh sai sót. Các TCM phải thường xuyên tổ chức việc dự giờ, thao giảng, tổ chức SHCM theo đúng quy định.

***- Phát huy năng lực đội ngũ giáo viên cốt cán, tổ trưởng chuyên môn và nâng cao vai trò của giáo viên chủ nhiệm lớp.***

+ Tăng cường công tác thanh kiểm tra các mặt hoạt động chuyên môn nhằm củng cố uấn nắn kịp thời những sai phạm có thể sảy ra.

+ Động viên tinh thần cầu thị trong tự bồi dưỡng của GV, giáo dục ý thức khiêm tốn học hỏi kinh nghiệm và sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm với đồng nghiệp.

+ Đánh giá đúng đắn và đề xuất khen thưởng những GV tích cực đổi mới PPDH, KTĐG và thực hiện đổi mới PPDH, KTĐG có hiệu quả.

***- Bồi dưỡng học sinh giỏi và phụ đạo học sinh yếu kém trong năm học:***

+ Nâng cao chất lượng đào tạo nhân lực và bồi dưỡng nhân tài.

+ Tạo mũi nhọn làm nòng cốt trong học tập của cũng như các mặt hoạt động thi đua học tốt trong học sinh.

+ Tăng cường giáo dục truyền thống hiếu học trong học sinh đồng thời khuyến khích học sinh vươn lên trong học tập.

+ Phối hợp với hội cha mẹ học sinh tổ chức tốt việc dạy phụ đạo cho học sinh yếu kém, bồi dưỡng học sinh khá giỏi.

+ Sau mỗi học kỳ GV phải có đánh giá, tuyển chọn lại và được thể hiện trong sổ kế hoạch tuần của mỗi GV.

+ Thực hiện bồi dưỡng HSG ở các khối lớp đặc biệt là lớp 8 và lớp 9.

+ Thực hiện phụ đạo ở HKII 02 môn N.văn và Toán cho HS từ lớp 6 đến lớp 9.

**4. Nhiệm vụ 4: Thực hiện bồi dưỡng thường xuyên theo TT 31/ BGD-ĐT:**

**Chỉ tiêu:**

- Thực hiện theo KH số 173/ KH-PGDĐT, *ngày 04 tháng 7 năm 2019 của PGD&ĐT về* Bồi dưỡng thường xuyên cho cán bộ quản lý và giáo viên năm học 2019-2020

- Khối kiến thức bắt buộc:(60 tiết/ GV/ năm học)

- Khối kiến thực tự chọn: (60 tiết/ GV/ năm học): GV chọn 04 modun trong khối kiến thức tự chọn bao gồm 41 modun để thực hiện đảm bảo phù hợp yêu cầu và năng lực của cá nhân.

**Thực hiện 120 tiết/ năm/GV.**

**Biện pháp:**

* Bồi dưỡng qua tự học kết hợp với sinh hoạt tập thể về chuyên môn, nghiệp vụ tại tổ chuyên môn.
* Bồi dưỡng thường xuyên qua học tập tập trung.

- Bồi dưỡng thường xuyên theo hình thức học tập từ xa (Qua mạng Internet).

**5. Nhiệm vụ khác: (Chủ nhiệm lớp, hoạt động Đoàn-Đội và hưởng ứng các phòng trào, …).**

**Chỉ tiêu:**

**- GVCN:** Hoàn thành nhiệm vụ như trong luật giáo dục và điều lệ trường PT quy định.

Chất lượng lớp chủ nhiệm:

+ Hạnh Kiểm:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Lớp** | **GV chủ nhiệm** | **Tổng số HS** | **Tốt** | | **Khá** | | **TB** | | **Yếu** | | **TB trở lên** | |
| **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** |
| **Toàn trường** | | | **314** | **279** | **89** | **31** | **9,8** | **4** | **1,3** | **0** | **0** | **314** | **98,7** |
| **Lớp CN** | | | **35** | **31** | **88,6** | **4** | **11,4** | **0** | **0** | **0** | **0** | **35** | **100** |

**+ Học lực:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Lớp** | **GV chủ nhiệm** | **Tổng số HS** | **Giỏi** | | **Khá** | | **TB** | | **Yếu** | | **TB trở lên** | |
| **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** |
| **Toàn trường** | | | **314** | **59** | **19** | **135** | **43** | **107** | **34,3** | **13** | **4,4** | **304** | **95.6** |
| **Lớp CN** | | | **35** | **7** | **20** | **15** | **43** | **12** | **34** | **1** | **3** | **34** | **97** |

**- Hoạt động Đoàn-Đội, tham gia các phong trào:**

+ Xếp loại công tác Đoàn-Đội: Xuất sắc.

+ Tham gia đầy đủ các phong trào, các cuộc thi của ngành, của cấp trên tổ chức ( Viết thư thăm chị Hằng, thi An toàn GT, …

+ Hoàn thành nhiệm vụ nhà trường giao, có giải thưởng cấp huyện và cấp tỉnh.

**Biện pháp:**

**- GVCN:**

+ Tự nghiên cứu học tập nâng cao nhận thức về đổi mới quản lý công tác chủ nhiệm.

+ Bồi dưỡng nâng cao năng lực làm giáo viên chủ nhiệm thông qua trao đổi kinh nghiệm với đồng nghiệp.

**- Hoạt động Đoàn-Đội, tham gia các phong trào:**

+ Bám sát chủ chương, Nghị quyết và chỉ đạo của Chi ủy, của Đoàn cấp trên, nhiệm vụ kế hoạch năm học của nhà trường và chương trình công tác Đoàn và phong trào thanh niên nhà trường năm học 2016-2017.

+ Chủ động thực hiện, áp dụng các giải pháp trọng yếu của nhà trường vào các hoạt động đoàn thể:

+ Thực hiện giải pháp chấn chỉnh nề nếp, kỉ cương nhà trường trong ĐVTN. Quyết tâm xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh.

+ Tham mưu cho cấp ủy và nhà trường thực hiện đưa tiêu chí thi đua về học tập vào trong các đợt thi đua, của từng học kì, cuối năm học và các kì thi kiểm tra, đánh giá.

**IV. LỊCH TRÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tháng** | **Nội dung công việc** | **Người Thực hiện** | **Ghi chú** |
| 8/2019 | - Ổn định hoạt động dạy và học  - Lập kế hoạch Phụ đạo cho học sinh yếu kém và bồi dưỡng học sinh giỏi  - Lập kế hoạch và khảo sát chất lượng học sinh đầu năm học  - Tập huấn CM  - Triển khai chuyên đề phục vụ cho HKI  - Tuyển chọn, tổ chức bồi dưỡng thi HSG máy tính Casio, năm học 2019-2020 | -Toàn trường  - GV được phân công  - PHT  - GV được phân công  - Các tổ CM  - HT, PHT, GV được phân công | - 13/8 – 20/8  - 05/8 – 10/8  - 31/8 – 10/9  - 08/8-13/8  - 22/8 – 30/9  - 4/8 |
| 9/2019 | - Khai giảng năm học  - Các tổ CM tổ chức chuyên đề HKI  - Kiểm tra HSSS GV và các bộ phận và GV toàn trường | Toàn trường  CM, GV  - BGH | - 5/9/2019  - Từ 11/9  - 25/9 – 30/9 |
| 10/ 2019 | - Lập kế hoạch thi GVDG vòng trường  - Kiểm tra HĐSP 03 GV/ 03 tổ CM  - Thi GVDG vòng trường (Phần viết SKKN và bài viết năng lực)  - Thi bài giảng Eleaning, KHKT: | - PHT  - Ban thanh tra  - Ban TC, Ban giám khảo hội thi  - GV | - 03/10  - Từ 03/10 – 08/10  18- Từ 17/10- 25/ 10  - Theo KH của PGD (23/10-27/10) |
| 11/ 1019 | - Thi GVDG vòng trường (thực hành)  - Triển khai SKKN có hiệu quả  - Tuyển HS đi thi HSG vòng huyện  - Thi Bài giảng điện tử  - Thi KHKT | - Ban TC, Ban giám khảo hội thi  - GV được phân công  - Giáo viên được phân công  - GV được phân công  - GV và HS | - Từ 24/10- 15/ 11  - Từ 24/11-06/12  - Theo Kế hoạch CM  - Theo Kế hoạch PGD  - Theo KH của PGD (06/11-09/11) |
| 12/ 2019 | - Chuẩn bị đề cương ôn tập HK1  - Ra đề Kiểm tra HK I  - Đưa HS đi thi HSG vòng huyện  - Kiểm tra HKI và hoàn thành sổ sách HKI  - Sơ kết HKI  - Tuyển HS thi Olympic Toán Tiếng anh, Toán Tiếng việt | -Các tổ CM, GV  - Các tổ CM.  - GV được phân công  - Toàn trường  - Các bộ phận  GV được phân công | - Theo kế hoạch của PGD  - Theo kế hoạch CM |
| 01/ 2020 | - Mở chuyên đề phục vụ cho HKII | Các tổ CM | Từ 05/01-24/01 |
| 02/2020 | - Nghỉ tết Nguyên Đán | Toàn trường | - Theo QĐ của Tỉnh |
| - Kiểm tra HĐSP 04 GV/ 03 tổ CM | - Ban thanh tra | - Theo kế hoạch của HT |
| 3/2020 | - Kiểm tra HSSS GV và các bộ phận  - Thi GVDG vòng huyện | - BGH  - GV đủ điều kiện dự thi | - Theo kế hoạch của HT  - Theo KH PGD |
| 4/2020 | - Đánh giá, xếp loại BDTX năm học 2019-2020  - Chuẩn bị đề cương ôn tập HKII  - Ra đề Kiểm tra HK II | - Hội đồng đánh giá xếp loại BDTX  - Các tổ CM  - Các tổ CM | - Theo kế hoạch của HT |
| 5/2020 | - Kiểm tra HKII và hoàn thành sổ sách cuối năm  - xét TN THCS năm 2019-2020  - Tổng kết năm học | - Ban tổ chức KT HKII  - Hội đồng xét TN năm 2020  - Các Tổ CM và các bộ phận. | - Theo kế hoạch của HT |
| 6/2020 | - Ôn tập cho HS yếu trước khi KT lại | - GV được phân công | Theo KH của HT |
| 7/2020 | - Cho HS KT lại năm học 2019-2020  - Tuyển sinh lớp 6 năm học 2020-2021 | - Ban tổ chức và Gv được phân công | Theo KH của HT |
| 8/2020 | - GV học chính trị hè 2020  - Chuẩn bị cho năm học mới 2020-2021  - HS tựu trường | - Toàn trường  - Toàn trường  - BGH, GVCN | - Theo KH của Đảng ủy huyện  - Theo KH của HT  - Theo KH của PGD |

**V. NHỮNG ĐỀ XUẤT:**

1. Đề nghị nhà trường mua thêm tranh ảnh phục vụ cho các môn Ngữ văn, Sử, Địa, Tiếng Anh.

Trên đây là kế hoạch thực hiện những nhiệm vụ trọng tâm trong năm học 2019-2020 của bộ phận chuyên môn. Trong quá trình thực hiện nếu có gì vướng mắc, các bộ phận, tổ chuyên môn cần có phản ánh kịp thời để nhà trường xem xét điều chỉnh.

**NGƯỜI LẬP**

**HIỆU TRƯỞNG PHT**

Nguyễn Thanh Nhã Nguyễn Văn Mai

***Nơi gởi:***

- PGD&ĐT Tân Hiệp

- Các bộ phận

PHÒNG GD& ĐT TÂN HIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TRƯỜNG THCS THẠNH ĐÔNG A**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 12/2019/KHCM *Thạnh Đông A, ngày 15 tháng 9 năm 2019*

**KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN**

**HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2019 – 2020**

Căn cứ QĐ số 1436/QĐ-DBND, ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh Kiên Giang về Ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2019-2020 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.

Căn cứ vào kế hoạch hoạt động chuyên môn THCS số Số: 243/KH-PGDĐT của PGD ĐT ngày 09 /9/2019.

Căn cứ vào kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2019-2020 của Trường THCS Thạnh Đông A.

Căn cứ vào tình hình thực tế của nhà trường, Bộ phận chuyên môn trường THCS thạnh Đông A xây dựng kế hoạch hoạt động chuyên môn năm học 2019-2020 như sau:

**I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH**

**1. Bối cảnh năm học:**

Tổng số CBGV-CNV nhà trường là 28 người. Trong đó : BGH : 02 người, nhân viên, công tác khác: 06. GV trực tiết đứng lớp : 20 người. Được chia 03 tổ. Tổ Toán lý : 08 người, tổ Xã hội : 06 người, tổ Ngoại ngữ, thể dục, âm nhạc, MT : 06 người.

Tổng số học sinh đầu HK : 314 em. Được chia làm 09 lớp / 04 khối . Khối 6 : 97/ 03 lớp, khối 7: 80/ 02 lớp, khối 8 : 71/ 02 lớp, khối 9 : 65/ 02 lớp.

Bước vào đầu HKI năm học 2019-2020 bộ phận chuyên môn đã và đang gặp những thuận lợi và khó khăn sau :

**2. Thuận lợi:**

- Được sự quan tâm sâu sát của các cấp chính quyền, của ngành, của Ban Giám Hiệu nhà trường. Đã luôn tạo điều kiện cho công tác chuyên môn thực hiện đúng chức năng và nhiệm vụ được giao.

- Đội ngũ GV tay nghề ngày một nâng cao. 100 % đạt chuẩn và trên chuẩn, là động lực chính trong việc nâng cao chất lượng dạy và học.

- Số Học sinh trong mỗi lớp không quá đông, việc quản lý và giảng dạy thuận lợi hơn.

- Ý thức người dân ngày một nâng lên, đã góp phần quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả giáo dục tại địa phương.

**3. Khó khăn*:***

- Trang thiết bị bị hao mòn dần, dẫn đến việc giảng dạy cho các em phần nào khó khăn hơn, mất thời gian sửa chữa nhiều hơn.

- Đời sống phụ huynh học sinh còn nhiều gia đình thuộc diện nghèo, khó khăn. Từ đó việc lo sách vở, mua tài liệu để các em nghiên cứu và học tập còn rất hạn chế.

Trước những thuận lợi và khó khăn trên. Trường THCS Thạnh Đông A đã đề ra nhiệm vụ trọng tâm và cụ thể như sau :

**II/ NHIỆM VỤ :**

**Nhiệm vụ trọng tâm:**

Tăng cường quán triệt và thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước; tiếp tục rà soát, quy hoạch mạng lưới trường, lớp giáo dục trung học theo hướng hợp lý và hiệu quả; tăng cường nền nếp, kỷ cương và chất lượng, hiệu quả giáo dục trong các cơ sở giáo dục trung học; chú trọng giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, ý thức, trách nhiệm của công dân đối với xã hội, cộng đồng của học sinh; nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ quản lí và giáo viên nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và đáp ứng yêu cầu thực hiện CT GDPT mới theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; tiếp tục điều chỉnh nội dung dạy học trong CT GDPT hiện hành theo hướng tinh giản, tiếp cận định hướng CT GDPT mới; thực hiện thường xuyên, hiệu quả các phương pháp, hình thức và kĩ thuật dạy học tích cực; đổi mới phương thức đánh giá học sinh; tích cực đổi mới nội dung, phương thức giáo dục hướng nghiệp gắn với thực tiễn sản xuất, kinh doanh tại địa phương; tăng cường phân cấp quản lí, thực hiện quyền tự chủ của nhà trường trong việc thực hiện kế hoạch giáo dục; tiếp tục triển khai thực hiện các Đề án của ngành đã được UBND tỉnh phê duyệt.

**III. CÁC NHIỆM VỤ, CHỈ TIÊU VÀ BIỆN PHÁP THỰC HIỆN:**

**1.  Nhiệm vụ 1 : Tiếp tục quán triệt sâu sắc các chủ trương, đường lối, chính sách pháp luật của Đảng, của nhà nước và của ngành đề ra.**

**Chỉ tiêu:**

a) Thực hiện có hiệu quả cuộc vận động: *“Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”* ; *“Mỗi thầy giáo, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo”*, đồng thời tiếp tục triển khai phong trào thi đua *“Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”*

*b) 100% CBGV chấp hành tốt mọi chủ trương, đường lối, chính sách pháp luật của Đảng, của Nhà nước và của ngành.*

*c) 100 % học sinh hạnh kiểm từ khá trở lên.*

**Biện pháp:**

a) Mỗi GV phải đăng ký ít nhất 01 nội dung thực hiện làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh trong năm học. Nghiêm chỉnh chấp hành tốt các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

b) Trong giảng dạy cần chú trọng yêu cầu giáo dục toàn diện. GV phải phát huy thế mạnh của môn Ngữ văn, GDCD trong việc giáo dục đạo đức, nhân cách cho HS, định hướng cho HS trong thị hiếu thẩm mĩ, ứng xử có văn hóa trong các mối quan hệ trong cũng như ngoài nhà trường.

**2.  Nhiệm vụ 2 : Thực hiện chương trình giáo dục, kế hoạch giáo dục.**

**Chỉ tiêu:**

a) 100 % CBGV thực hiện đúng phương hướng, nhiệm vụ năm học, phân phối chương trình, chuẩn kiến thực kỹ năng theo môn học.

b) 100 % CBGV thực hiện đầy đủ quy chế chuyên môn ( hồ sơ , giáo án), bảo đảm dạy đúng, đủ chương trình mà Bộ, Sở GD-ĐT đã ban hành ; thực hiện nghiêm túc những chỉ đạo của Phòng giáo dục và đào tạo.

c) Thực hiện tốt *tinh giản nội dung dạy học*; xây dựng và triển khai *dạy học các chủ đề tích hợp*; tăng cường các hoạt động nhằm giúp học sinh *vận dụng kiến thức liên môn* vào giải quyết các vấn đề thực tiễn. Tổ chức *Cuộc thi khoa học kỹ thuật* học sinh trung học phổ thông năm học 2018-2019.

**Biện pháp:**

a) Phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý về năng lực chuyên môn, kỹ năng phát triển chương trình giáo dục; năng lực đổi mới phương pháp dạy học, kiểm đánh giá; phát huy năng lực đội ngũ giáo viên cốt cán, tổ trưởng chuyên môn và nâng cao vai trò của giáo viên chủ nhiệm lớp trong việc quản lý, phối hợp giáo dục toàn diện cho học sinh.Tiếp tục đổi mới phương pháp dạy học và coi đây là một nhiệm vụ trọng tâm. Việc đổi mới phương pháp giảng dạy phải được thể hiện bằng những việc làm cụ thể.

b) Nâng cao hiệu lực và hiệu quả công tác quản lý theo hướng tăng cường phân cấp quản lý, tăng quyền chủ động của nhà trường trong việc thực hiện kế hoạch giáo dục đi đôi với việc nâng cao năng lực quản trị nhà trường.

c) Trang bị những kiến thức và kỹ năng chuyên môn cần thiết để đáp ứng yêu cầu đổi phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và khả năng tự học của học sinh. Quan tâm đến việc bồi dưỡng và tự bồi dưỡng trong việc thực hiện chương trình, chuẩn kiến thức, kĩ năng.

**3. Nhiệm vụ 3: Đổi mới kiểm tra đánh giá, đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao hiệu lực và hiệu quả công tác quản lý, tổ chức tốt các cuộc thi học sinh giỏi:**

**Chỉ tiêu:**

**a/ *Chất lượng học sinh:***

- Hoàn thành chương trình tiểu học vào học lớp 6 đạt 99 % trở lên.

- Huy động học sinh đến trường đạt 98,5% trở lên.

- Phấn đấu đến cuối năm học có 30 % trở lên học sinh giỏi cấp huyện và 40 % trở lên học sinh giỏi cấp tỉnh so với đội tuyển dự thi.

- Giảm tỉ lệ học sinh bỏ học không vượt quá 1 %.

- Kết quả PCGD THCS đạt từ 93 % trở lên.

- Kết quả giảng dạy:  
+ Chất lượng bộ môn:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Môn** | **Khối** | **Tổng số HS (\*)** | **8.0-10** | | **6.5-7.9** | | **5.0-6.4** | | **3.5-4.9** | | | | **0-3.4** | | | **TB trở lên** | | **Đ** | | **CĐ** | |
| **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | | **%** | | **SL** | | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** |
| **Toán** | Khối 6 | **97** | 20 | 20.62 | 28 | 28.87 | 42 | 43.3 | 6 | | 6.19 | | 1 | | 1.03 | 75 | 77.32 |  |  |  |  |
| Khối 7 | **80** | 13 | 17.28 | 24 | 29.63 | 27 | 33.33 | 16 | | 19.75 | | 0 | | 0 | 60 | 74.07 |  |  |  |  |
| Khối 8 | **71** | 11 | 15.07 | 24 | 34.25 | 36 | 49.32 | 1 | | 1.37 | | 0 | | 0 | 69 | 94.52 |  |  |  |  |
| Khối 9 | **65** | 14 | 22.39 | 13 | 20.9 | 33 | 49.25 | 5 | | 7.46 | | 0 | | 0 | 64 | 95.52 |  |  |  |  |
| **TS** | **314** | **60** | 18.87 | **91** | 28.62 | **138** | 43.4 | **28** | | 8.81 | | **1** | | 0.31 | **268** | 84.28 |  |  |  |  |
| **Vật lí** | Khối 6 | **97** | 16 | 16.49 | 39 | 40.21 | 34 | 35.05 | 7 | | 7.22 | | 1 | | 1.03 | 74 | 76.29 |  |  |  |  |
| Khối 7 | **80** | 27 | 34.57 | 32 | 39.51 | 19 | 23.46 | 1 | | 1.23 | | 1 | | 1.23 | 73 | 90.12 |  |  |  |  |
| Khối 8 | **71** | 13 | 16.44 | 32 | 43.84 | 19 | 23.29 | 8 | | 12.33 | | 0 | | 0 | 61 | 83.56 |  |  |  |  |
| Khối 9 | **65** | 20 | 31.34 | 31 | 47.76 | 14 | 20.9 | 0 | | 0 | | 0 | | 0 | 69 | 102.99 |  |  |  |  |
| **TS** | **314** | **77** | 24.21 | **135** | 42.45 | **84** | 26.42 | **17** | | 5.35 | | **2** | | 0.63 | **277** | 87.11 |  |  |  |  |
| **Hóa học** | Khối 8 | **71** | 15 | 19.18 | 24 | 32.88 | 32 | 43.84 | 0 | | 0 | | 0 | | 0 | 70 | 95.89 |  |  |  |  |
| Khối 9 | **65** | 23 | 37.31 | 23 | 37.31 | 19 | 28.36 | 0 | | 0 | | 0 | | 0 | 69 | 102.99 |  |  |  |  |
| **TS** | **136** | **39** | 27.86 | **49** | 35 | **51** | 36.43 | **0** | | 0 | | **0** | | 0 | **139** | 99.29 |  |  |  |  |
| **Sinh học** | Khối 6 | **97** | 31 | 31.96 | 43 | 44.33 | 19 | 19.59 | 4 | | 4.12 | | 0 | | 0 | 78 | 80.41 |  |  |  |  |
| Khối 7 | **80** | 41 | 50.62 | 30 | 37.04 | 10 | 12.35 | 0 | | 0 | | 0 | | 0 | 75 | 92.59 |  |  |  |  |
| Khối 8 | **71** | 19 | 26.03 | 25 | 34.25 | 28 | 38.36 | 1 | | 1.37 | | 0 | | 0 | 69 | 94.52 |  |  |  |  |
| Khối 9 | **65** | 28 | 41.79 | 15 | 22.39 | 24 | 35.82 | 0 | | 0 | | 0 | | 0 | 69 | 102.99 |  |  |  |  |
| **TS** | **314** | **119** | 37.42 | **113** | 35.53 | **81** | 25.47 | **5** | | 1.57 | | **0** | | 0 | **291** | 91.51 |  |  |  |  |
| **Ngữ Văn** | Khối 6 | **97** | 9 | 9.28 | 49 | 50.52 | 36 | 37.11 | 2 | | 2.06 | | 1 | | 1.03 | 78 | 80.41 |  |  |  |  |
| Khối 7 | **80** | 3 | 3.7 | 33 | 40.74 | 38 | 46.91 | 6 | | 7.41 | | 1 | | 1.23 | 68 | 83.95 |  |  |  |  |
| Khối 8 | **71** | 8 | 10.96 | 36 | 49.32 | 29 | 39.73 | 0 | | 0 | | 0 | | 0 | 70 | 95.89 |  |  |  |  |
| Khối 9 | **65** | 11 | 16.42 | 33 | 49.25 | 23 | 34.33 | 0 | | 0 | | 0 | | 0 | 69 | 102.99 |  |  |  |  |
| **TS** | **314** | **31** | 9.75 | **151** | 47.48 | **126** | 39.62 | **8** | | 2.52 | | **2** | | 0.63 | **285** | 89.62 |  |  |  |  |
| **Lịch sử** | Khối 6 | **97** | 21 | 21.65 | 40 | 41.24 | 26 | 26.8 | 7 | | 7.22 | | 3 | | 3.09 | 72 | 74.23 |  |  |  |  |
| Khối 7 | **80** | 45 | 55.56 | 27 | 33.33 | 8 | 9.88 | 1 | | 1.23 | | 0 | | 0 | 74 | 91.36 |  |  |  |  |
| Khối 8 | **71** | 48 | 65.75 | 22 | 30.14 | 3 | 4.11 | 0 | | 0 | | 0 | | 0 | 70 | 95.89 |  |  |  |  |
| Khối 9 | **65** | 30 | 44.78 | 31 | 46.27 | 6 | 8.96 | 0 | | 0 | | 0 | | 0 | 69 | 102.99 |  |  |  |  |
| **TS** | **314** | **144** | 45.28 | **120** | 37.74 | **43** | 13.52 | **8** | | 2.52 | | **3** | | 0.94 | **285** | 89.62 |  |  |  |  |
| **Địa lí** | Khối 6 | **97** | 52 | 53.61 | 37 | 38.14 | 7 | 7.22 | 1 | | 1.03 | | 0 | | 0 | 80 | 82.47 |  |  |  |  |
| Khối 7 | **80** | 39 | 48.15 | 28 | 34.57 | 14 | 17.28 | 0 | | 0 | | 0 | | 0 | 75 | 92.59 |  |  |  |  |
| Khối 8 | **71** | 43 | 58.9 | 29 | 39.73 | 1 | 1.37 | 0 | | 0 | | 0 | | 0 | 70 | 95.89 |  |  |  |  |
| Khối 9 | **65** | 21 | 31.34 | 35 | 52.24 | 11 | 16.42 | 0 | | 0 | | 0 | | 0 | 69 | 102.99 |  |  |  |  |
| **TS** | **314** | **155** | 48.74 | **129** | 40.57 | **33** | 10.38 | **1** | | 0.31 | | **0** | | 0 | **294** | 92.45 |  |  |  |  |
| **Tiếng Anh** | Khối 6 | **97** | 30 | 30.93 | 33 | 34.02 | 25 | 25.77 | 8 | | 8.25 | | 1 | | 1.03 | 73 | 75.26 |  |  |  |  |
| Khối 7 | **80** | 20 | 24.69 | 26 | 32.1 | 29 | 35.8 | 4 | | 4.94 | | 2 | | 2.47 | 69 | 85.19 |  |  |  |  |
| Khối 8 | **71** | 14 | 19.18 | 33 | 45.21 | 25 | 34.25 | 1 | | 1.37 | | 0 | | 0 | 69 | 94.52 |  |  |  |  |
| Khối 9 | **65** | 15 | 22.39 | 30 | 44.78 | 22 | 32.84 | 0 | | 0 | | 0 | | 0 | 69 | 102.99 |  |  |  |  |
| **TS** | **314** | **79** | 24.84 | **122** | 38.36 | **101** | 31.76 | **13** | | 4.09 | | **3** | | 0.94 | **280** | 88.05 |  |  |  |  |
| **GDCD** | Khối 6 | **97** | 47 | 48.45 | 36 | 37.11 | 13 | 13.4 | 1 | | 1.03 | | 0 | | 0 | 80 | 82.47 |  |  |  |  |
| Khối 7 | **80** | 65 | 80.25 | 14 | 17.28 | 2 | 2.47 | 0 | | 0 | | 0 | | 0 | 75 | 92.59 |  |  |  |  |
| Khối 8 | **71** | 70 | 95.89 | 3 | 4.11 | 0 | 0 | 0 | | 0 | | 0 | | 0 | 70 | 95.89 |  |  |  |  |
| Khối 9 | **65** | 63 | 94.03 | 4 | 5.97 | 0 | 0 | 0 | | 0 | | 0 | | 0 | 69 | 102.99 |  |  |  |  |
| **TS** | **314** | **245** | 77.04 | **57** | 17.92 | **15** | 4.72 | **1** | | 0.31 | | **0** | | 0 | **294** | 92.45 |  |  |  |  |
| **Công nghệ** | Khối 6 | **97** | 47 | 48.45 | 42 | 43.3 | 7 | 7.22 | 1 | | 1.03 | | 0 | | 0 | 80 | 82.47 |  |  |  |  |
| Khối 7 | **80** | 43 | 53.09 | 23 | 28.4 | 14 | 17.28 | 0 | | 0 | | 1 | | 1.23 | 74 | 91.36 |  |  |  |  |
| Khối 8 | **71** | 30 | 41.1 | 42 | 57.53 | 1 | 1.37 | 0 | | 0 | | 0 | | 0 | 70 | 95.89 |  |  |  |  |
| Khối 9 | **65** | 67 | 100 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | | 0 | | 0 | | 0 | 69 | 102.99 |  |  |  |  |
| **TS** | **314** | **187** | 58.81 | **107** | 33.65 | **22** | 6.92 | **1** | | 0.31 | | **1** | | 0.31 | **293** | 92.14 |  |  |  |  |
| **Thể dục** | Khối 6 | **97** |  |  |  |  |  |  |  | |  | |  | |  |  |  | 97 | 100 | 0 | 0 |
| Khối 7 | **80** |  |  |  |  |  |  |  | |  | |  | |  |  |  | 81 | 100 | 0 | 0 |
| Khối 8 | **71** |  |  |  |  |  |  |  | |  | |  | |  |  |  | 73 | 100 | 0 | 0 |
| Khối 9 | **65** |  |  |  |  |  |  |  | |  | |  | |  |  |  | 67 | 100 | 0 | 0 |
| **TS** | **314** |  |  |  |  |  |  |  | |  | |  | |  |  |  | **318** | **100** | **0** | **0** |
| **Âm nhạc** | Khối 6 | **97** |  |  |  |  |  |  |  | |  | |  | |  |  |  | 97 | 100 | 0 | 0 |
| Khối 7 | **80** |  |  |  |  |  |  |  | |  | |  | |  |  |  | 81 | 100 | 0 | 0 |
| Khối 8 | **71** |  |  |  |  |  |  |  | |  | |  | |  |  |  | 73 | 100 | 0 | 0 |
| Khối 9 | **65** |  |  |  |  |  |  |  | |  | |  | |  |  |  | 67 | 100 | 0 | 0 |
| **TS** | **314** |  |  |  |  |  |  |  | |  | |  | |  |  |  | **318** | **100** | **0** | **0** |
| **Mỹ Thuật** | Khối 6 | **97** |  |  |  |  |  |  | |  | |  | |  |  |  |  | 97 | 100 | 0 | 0 |
| Khối 7 | **80** |  |  |  |  |  |  |  | |  | |  | |  |  |  | 81 | 100 | 0 | 0 |
| Khối 8 | **71** |  |  |  |  |  |  |  | |  | |  | |  |  |  | 73 | 100 | 0 | 0 |
| Khối 9 | **65** |  |  |  |  |  |  |  | |  | |  | |  |  |  | 67 | 100 | 0 | 0 |
| **TS** | **314** |  |  |  |  |  |  |  | |  | |  | |  |  |  | **318** | **100** | **0** | **0** |

***b/ Chất lượng đội ngũ CBGV:***

1. Cá nhân : Phấn đấu đến cuối HK :

- Phấn đấu đến cuối năm học giáo viên dạy giỏi vòng trường đạt từ 60 % trở lên so với tổng số giáo viên dự thi.

- Không có giáo viên xếp loại trung bình theo QĐ chuẩn nghề nghiệp giáo viên.

- Tập thể : Phấn đấu đến cuối năm học :

+ Có tổ lao động xuất sắc và lao động tiên tiến.

+ Không có tổ không hoàn thành nhiệm vụ.

+ Dự giờ thăm lớp, thao giảng, mở chuyên đề :

- Dự giờ: Bình quân mỗi GV đi dự giờ ít nhất 02 tiết / tháng. Tổng số tiết đi dự ít nhất 180tiết/ năm. Chia ra: Tổ Tự nhiên: 72tiết/năm, tổ Xã hội: 54 tiết/năm, tổ N2+ TD: 54 tiết/năm.

- Dạy hội giảng, thao giảng, BHMH : 10 tiết,/năm. Tổ TN: 04 tiết/năm, tổ XH: 04 tiết/năm, tổ NN: 02 tiết/năm.

- Dạy Ứng dụng CNTT: 200 tiết/năm, tổ TN: 80 tiết/năm, tổ XH: 60 tiết/năm, tổ NN: 60 tiết/năm.

- Bài giảng điện tử :

+ Cấp trưởng: 01 bài/ 01 GV/ năm

- Dạy BHMH: 10 tiết/năm, tổ TN: 04 tiết/năm, tổ XH: 03 tiết/năm, tổ NN: 03 tiết/năm.

- Làm ĐDDH:

+ Cấp trường: 01 ĐD/1 GV/ năm

+ Dự thi cấp huyện: 06, tổ TN: 02 tiết/năm, tổ XH: 02 tiết/năm, tổ NN: 02

- Tổ chức chuyên đề: Ít nhất 10 chuyên đề/ năm. Chia ra: Tổ Toán lí: **04**/năm**,** tổ Xã hội: **04**/năm; tổ N2+ TD + … : **02**/năm. (Trong số chuyên đề của mỗi tổ có 01 chuyên đề toàn trường)

- Kiểm tra hoạt động SPGV: **03** GV : Tổ TN : **02** (Thịnh, Hải) ; XH: **01** N.Huyền).

**Biện pháp:**

***- Lập kế hoạch đổi mới PPDG và kiểm tra đánh giá:***

+ Triển khai các giải pháp nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục, đổi mới phương pháp dạy học thông qua công tác bồi dưỡng và dự giờ thăm lớp của giáo viên; tổ chức các đợt sinh hoạt chuyên môn, chuyên đề cấp tổ.

+ Tiếp tục phát động giáo viên tự làm đồ dùng dạy học. Quản lý chặt chẽ việc dạy thêm và học thêm theo đúng quy định.

+ Tăng cường kỷ cương, nề nếp trong quản lý dạy học, kiểm tra, đánh giá các đợt kiểm tra trong năm học.

+ Thực hiện kiểm tra cuối kì đồng loạt, nghiêm túc đánh giá đúng chất lượng dạy – học, *đổi mới toàn diện khâu kiểm tra đánh giá* (các đề kiểm tra ra đúng tinh thần đổi mới – bám sát chuẩn kiến thức, kỹ năng từng môn học)*.*

+ Thực hiện tốt các quy chế, nề nếp chuyên môn như soạn giáo án đầy đủ, dự giờ đảm bảo số tiết quy định, ghi chép đầy đủ, sau khi dự giờ phải tổ chức góp ý, rút kinh nghiệm nghiêm túc, đúng thực chất tránh chung chung, sơ sài.

+ Sinh hoạt tổ chuyên môn phải tập trung vào việc giải quyết những vấn đề chuyên môn, việc đổi mới PPDH, nâng cao nghiệp vụ sư phạm, tự học tự bồi dưỡng .

+ Tiếp tục đổi mới các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh kết hợp hình thức kiểm tra tự luận với trắc nghiệm đảm bảo việc đánh giá khách quan, công bằng, đúng trình độ.

+ Biết cách thiết kế và xây dựng kế hoạch dạy học, sử dụng thiết bị dạy học, làm thí nghiệm thực hành và tự làm đồ dùng dạy học.

***- Mỗi giáo viên đều có ít nhất một đổi mới KTĐG và đổi mới PPDH trên các mặt sau :***

+ Đổi mới phương pháp dạy học: Tăng tính chủ động, thái độ học tập tích cực của học sinh, khắc phục hoàn toàn kiểu dạy theo lối "đọc - chép". Dạy bám sát chuẩn kiến thức, kỹ năng của Chương trình giáo dục phổ thông. Thiết kế bài giảng khoa học, sắp xếp hợp lý hoạt động của giáo viên và học sinh; thiết kế câu hỏi hợp lý, tập trung vào trọng tâm, tránh nặng nề quá tải, bồi dưỡng năng lực độc lập suy nghĩ, vận dụng sáng tạo của học sinh. Dạy học sát đối tượng, coi trọng bồi dưỡng học sinh khá giỏi và bồi dưỡng học sinh tham dự kì thi học sinh giỏi các cấp.

+ Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học. Chú trọng thực hành, thí nghiệm, rèn khả năng tự học cho học sinh.

+ Thực hiện đổi mới PPDH theo hướng nghiên cứu bài học (BHMH).

+ Đổi mới kiểm tra, đánh giá: Coi trọng việc phân tích kết quả kiểm tra qua đó điều chỉnh hoạt động giảng dạy và học tập. Nâng cao chất lượng đề kiểm tra, bám sát chuẩn kiến thức, kỹ năng của Chương trình giáo dục phổ thông với ba cấp độ: Biết, thông hiểu, vận dụng sáng tạo, với các bài kiểm tra cuối kỳ, cuối năm dành tối thiểu 50% làm bài cho các nội dung thông hiểu, vận dụng sáng tạo từ đó bảo đảm dạy học sát đối tượng, khuyến khích tư duy độc lập, sáng tạo của học sinh và hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá năng lực của bản thân. Tích cực tham khảo các tài liệu về kiểm tra đánh giá các môn học KT, đánh giá.

+ Tích cực tham khảo các tài liệu về kiểm tra đánh giá các môn học, làm các đề thi học sinh giỏi tỉnh, huyện, các đề tuyển sinh từ đó có thêm các kiến thức về ra đề. Thực hiện đúng quy định của Thông tư 58/2011/BGD&ĐT của Bộ GD&ĐT về quy chế đánh giá, xếp loại HS.

***- Xây dựng ngân hàng đề kiểm tra và đánh giá cho điểm xếp loại học sinh:***

Tổ CM có kế hoạch cụ thể để nghiên cứu và khai thác phần mềm ngân hàng đề kiểm tra, Việc thực hiện quy chế đánh giá, xếp loại học sinh theo quy chế thông tư 58 của bộ GD&ĐT có những điểm khác và mới cho nên các giáo viên phải nghiên cứu kỹ và thực hiện cho đúng, tránh sai sót. Các TCM phải thường xuyên tổ chức việc dự giờ, thao giảng, tổ chức SHCM theo đúng quy định.

***- Phát huy năng lực đội ngũ giáo viên cốt cán, tổ trưởng chuyên môn và nâng cao vai trò của giáo viên chủ nhiệm lớp.***

+ Tăng cường công tác thanh kiểm tra các mặt hoạt động chuyên môn nhằm củng cố uấn nắn kịp thời những sai phạm có thể sảy ra.

+ Động viên tinh thần cầu thị trong tự bồi dưỡng của GV, giáo dục ý thức khiêm tốn học hỏi kinh nghiệm và sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm với đồng nghiệp.

+ Đánh giá đúng đắn và đề xuất khen thưởng những GV tích cực đổi mới PPDH, KTĐG và thực hiện đổi mới PPDH, KTĐG có hiệu quả.

***- Bồi dưỡng học sinh giỏi và phụ đạo học sinh yếu kém trong năm học:***

+ Nâng cao chất lượng đào tạo nhân lực và bồi dưỡng nhân tài.

+ Tạo mũi nhọn làm nòng cốt trong học tập của cũng như các mặt hoạt động thi đua học tốt trong học sinh.

+ Tăng cường giáo dục truyền thống hiếu học trong học sinh đồng thời khuyến khích học sinh vươn lên trong học tập.

+ Phối hợp với hội cha mẹ học sinh tổ chức tốt việc dạy phụ đạo cho học sinh yếu kém, bồi dưỡng học sinh khá giỏi.

+ Sau mỗi học kỳ GV phải có đánh giá, tuyển chọn lại và được thể hiện trong sổ kế hoạch tuần của mỗi GV.

+ Thực hiện bồi dưỡng HSG ở các khối lớp đặc biệt là lớp 8 và lớp 9.

+ Thực hiện phụ đạo ở HKII 02 môn N.văn và Toán cho HS từ lớp 6 đến lớp 9.

**4. Nhiệm vụ 4: Thực hiện bồi dưỡng thường xuyên theo TT 31/ BGD-ĐT:**

**Chỉ tiêu:**

- Thực hiện theo KH số 173/ KH-PGDĐT, *ngày 04 tháng 7 năm 2019 của PGD&ĐT về* Bồi dưỡng thường xuyên cho cán bộ quản lý và giáo viên năm học 2019-2020

- Khối kiến thức bắt buộc:(60 tiết/ GV/ năm học)

- Khối kiến thực tự chọn: (30 tiết/ GV/ năm học): GV chọn 02 modun trong khối kiến thức tự chọn bao gồm 41 modun để thực hiện đảm bảo phù hợp yêu cầu và năng lực của cá nhân.

**Thực hiện 120 tiết/ năm/GV.**

**Biện pháp:**

* Bồi dưỡng qua tự học kết hợp với sinh hoạt tập thể về chuyên môn, nghiệp vụ tại tổ chuyên môn.
* Bồi dưỡng thường xuyên qua học tập tập trung.

- Bồi dưỡng thường xuyên theo hình thức học tập từ xa (Qua mạng Internet).

**5. Nhiệm vụ khác: (Chủ nhiệm lớp, hoạt động Đoàn-Đội và hưởng ứng các phòng trào, …).**

**Chỉ tiêu:**

**- GVCN:** Hoàn thành nhiệm vụ như trong luật giáo dục và điều lệ trường PT quy định.

Chất lượng lớp chủ nhiệm:

+ Hạnh Kiểm:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Lớp** | **GV chủ nhiệm** | **Tổng số HS** | **Tốt** | | **Khá** | | **TB** | | **Yếu** | | **TB trở lên** | |
| **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** |
| **Toàn trường** | | | **314** | **279** | **89** | **31** | **9,8** | **4** | **1,3** | **0** | **0** | **314** | **98,7** |
| **Lớp CN** | | | **35** | **31** | **88,6** | **4** | **11,4** | **0** | **0** | **0** | **0** | **35** | **100** |

**+ Học lực:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Lớp** | **GV chủ nhiệm** | **Tổng số HS** | **Giỏi** | | **Khá** | | **TB** | | **Yếu** | | **TB trở lên** | |
| **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** |
| **Toàn trường** | | | **314** | **59** | **19** | **135** | **43** | **107** | **34,3** | **13** | **4,4** | **304** | **95.6** |
| **Lớp CN** | | | **35** | **7** | **20** | **15** | **43** | **12** | **34** | **1** | **3** | **34** | **97** |

**- Hoạt động Đoàn-Đội, tham gia các phong trào:**

+ Xếp loại công tác Đoàn-Đội: Xuất sắc.

+ Tham gia đầy đủ các phong trào, các cuộc thi của ngành, của cấp trên tổ chức ( Viết thư thăm chị Hằng, thi An toàn GT, …

+ Hoàn thành nhiệm vụ nhà trường giao, có giải thưởng cấp huyện và cấp tỉnh.

**Biện pháp:**

**- GVCN:**

+ Tự nghiên cứu học tập nâng cao nhận thức về đổi mới quản lý công tác chủ nhiệm.

+ Bồi dưỡng nâng cao năng lực làm giáo viên chủ nhiệm thông qua trao đổi kinh nghiệm với đồng nghiệp.

**- Hoạt động Đoàn-Đội, tham gia các phong trào:**

+ Bám sát chủ chương, Nghị quyết và chỉ đạo của Chi ủy, của Đoàn cấp trên, nhiệm vụ kế hoạch năm học của nhà trường và chương trình công tác Đoàn và phong trào thanh niên nhà trường năm học 2016-2017.

+ Chủ động thực hiện, áp dụng các giải pháp trọng yếu của nhà trường vào các hoạt động đoàn thể:

+ Thực hiện giải pháp chấn chỉnh nề nếp, kỉ cương nhà trường trong ĐVTN. Quyết tâm xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh.

+ Tham mưu cho cấp ủy và nhà trường thực hiện đưa tiêu chí thi đua về học tập vào trong các đợt thi đua, của từng học kì, cuối năm học và các kì thi kiểm tra, đánh giá.

**IV. LỊCH TRÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tháng** | **Nội dung công việc** | **Người Thực hiện** | **Ghi chú** |
| 8/2019 | - Ổn định hoạt động dạy và học  - Lập kế hoạch Phụ đạo cho học sinh yếu kém và bồi dưỡng học sinh giỏi  - Lập kế hoạch và khảo sát chất lượng học sinh đầu năm học  - Tập huấn CM  - Triển khai chuyên đề phục vụ cho HKI  - Tuyển chọn, tổ chức bồi dưỡng thi HSG máy tính Casio, năm học 2019-2020 | -Toàn trường  - GV được phân công  - PHT  - GV được phân công  - Các tổ CM  - HT, PHT, GV được phân công | - 13/8 – 20/8  - 05/8 – 10/8  - 31/8 – 10/9  - 08/8-13/8  - 22/8 – 30/9  - 4/8 |
| 9/2019 | - Khai giảng năm học  - Các tổ CM tổ chức chuyên đề HKI  - Kiểm tra HSSS GV và các bộ phận và GV toàn trường | Toàn trường  CM, GV  - BGH | - 5/9/2019  - Từ 11/9  - 25/9 – 30/9 |
| 10/ 2019 | - Lập kế hoạch thi GVDG vòng trường  - Kiểm tra HĐSP 03 GV/ 03 tổ CM  - Thi GVDG vòng trường (Phần viết SKKN và bài viết năng lực)  - Thi bài giảng Eleaning, KHKT: | - PHT  - Ban thanh tra  - Ban TC, Ban giám khảo hội thi  - GV | - 03/10  - Từ 03/10 – 08/10  18- Từ 17/10- 25/ 10  - Theo KH của PGD (23/10-27/10) |
| 11/ 1019 | - Thi GVDG vòng trường (thực hành)  - Triển khai SKKN có hiệu quả  - Tuyển HS đi thi HSG vòng huyện  - Thi Bài giảng điện tử  - Thi KHKT | - Ban TC, Ban giám khảo hội thi  - GV được phân công  - Giáo viên được phân công  - GV được phân công  - GV và HS | - Từ 24/10- 15/ 11  - Từ 24/11-06/12  - Theo Kế hoạch CM  - Theo Kế hoạch PGD  - Theo KH của PGD (06/11-09/11) |
| 12/ 2019 | - Chuẩn bị đề cương ôn tập HK1  - Ra đề Kiểm tra HK I  - Đưa HS đi thi HSG vòng huyện  - Kiểm tra HKI và hoàn thành sổ sách HKI  - Sơ kết HKI  - Tuyển HS thi Olympic Toán Tiếng anh, Toán Tiếng việt | -Các tổ CM, GV  - Các tổ CM.  - GV được phân công  - Toàn trường  - Các bộ phận  GV được phân công | - Theo kế hoạch của PGD  - Theo kế hoạch CM |

**V. NHỮNG ĐỀ XUẤT:**

1. Đề nghị nhà trường mua thêm tranh ảnh phục vụ cho các môn Ngữ văn, Sử, Địa, Tiếng Anh.

Trên đây là kế hoạch thực hiện những nhiệm vụ trọng tâm trong HKI năm học 2019-2020 của bộ phận chuyên môn. Trong quá trình thực hiện nếu có gì vướng mắc, các bộ phận, tổ chuyên môn cần có phản ánh kịp thời để nhà trường xem xét điều chỉnh.

**NGƯỜI LẬP**

**HIỆU TRƯỞNG PHT**

Nguyễn Thanh Nhã Nguyễn Văn Mai

***Nơi gởi:***

- PGD&ĐT Tân Hiệp

- Các bộ phận